

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2019/HS-ST
Ngày: 17/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC SƠN - TỈNH QUẢNG NAM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Pơ Loong Đếch

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông: Lê Đình Hương

+ Ông: Phạm Đình Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Zơ Râm Quốc Sinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Quang Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019; tại Hội trường xét xử Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2019/TLST-HS, ngày 5/8/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. TRẦN VĂN N; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 22/7/1985; tại: Huyện L, tỉnh Q; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn H, thị trấn M, huyện G, tỉnh Q; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P (1965) và con bà Lê Thị H (chết); vợ Trần Thị N (Đã ly hôn), có 03 người con, con nhỏ nhất sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; *có mặt tại phiên tòa.*

2. NGUYỄN VĂN L; tên gọi khác: M; sinh ngày: 14/3/1971; tại: Huyện L, tỉnh Q; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn H, thị trấn M, huyện G, tỉnh Q; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (chết) và con bà Lê Thị D (chết); vợ Trần Thị L (1975), có 04 người con, con nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; *có mặt tại phiên tòa.*

*** Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã Phước Xuân, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ trụ sở: Thôn Lao Mung, xã Phước Xuân, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo ủy quyền (16/9/2019): Ông Vũ Đình H - Chức vụ: Trưởng Công an xã; *có mặt tại phiên tòa.*

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Võ Công L1; trú tại: Tổ dân phố số 4, thị trấn K, huyện P, tỉnh Q; *có mặt tại phiên tòa.*

*** Người làm chứng:** Ông Nguyễn Thành B; trú tại: Thôn Đ, xã X, huyện P, tỉnh Q; *vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2018, Trần Văn N có thỏa thuận nhận xẻ gỗ cho Võ Công L1. Đến tháng 2/2019, Trần Văn N rủ Nguyễn Văn L cùng đi cưa xẻ gỗ bán cho Võ Công L1 thì Nguyễn Văn L đồng ý, sau khi trừ chi phí số tiền còn lại chia đều với nhau. Ngày 26/2/2019, Trần Văn N và Nguyễn Văn L đi lên khu vực Km 32 và ở lại tại trại của ông Nguyễn Thành B. Sáng ngày 27/2/2019, Trần Văn N và Nguyễn Văn L mang theo 01 cưa máy, 01 cái rựa, xăng, nhớt đến khu vực Km 32 thuộc xã Phước Xuân đi vào rừng tìm cây gỗ, thấy 01 cây gỗ Chò còn đứng sống tự nhiên, Trần Văn N nói Nguyễn Văn L lắp máy cưa, đổ xăng, nhớt và Trần Văn N trực tiếp dùng cưa hạ cây gỗ Chò, cưa ngã cây xong thì bị lực lượng chức năng phát hiện và lập biên bản đưa Nguyễn Văn L về Ủy ban nhân dân xã Phước Xuân để làm việc, còn Trần Văn N bỏ chạy.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Trần Văn N và Nguyễn Văn L đã cưa hạ 01 cây gỗ Chò nâu nhóm VI, khối lượng thiệt hại 8,234m³ gỗ tròn.

Theo Quyết định số 120/QĐ-UBND, ngày 11/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011 – 2020 thì vị trí khai thác gỗ trái phép tại khoảnh 3 tiểu khu 627 thuộc Thôn Lao Đu, xã Phước Xuân, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam được quy hoạch kiểu trạng thái rừng thường xanh phục hồi (TXB), chức năng rừng phòng hộ.

Tại kết luận định giá tài sản số: 04/KL-ĐG, ngày 16/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phước Sơn kết luận: Giá trị thiệt hại khối lượng gỗ tròn do khai thác trái phép tại khoảnh 3 tiểu khu 627 gồm 01 cây Chò nâu nhóm VI có tổng khối lượng 8,234m³ gỗ tròn, có giá trị 28.819.000 đồng.

Tang vật thu giữ: 01 máy cưa lốc nhãn hiệu STIHL MS 381 kèm theo 01 sợi dây xích cưa và 01 lam cưa dài 80cm; 01 cái rựa dài 34 cm; 01 bình nước suối loại 5 lít bên trong có chứa xăng; 01 canh 5 lít màu vàng bên trong có chứa nhót thối.

Tại bản cáo trạng số: 11/CT-VKS-HS, ngày 31/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam truy tố các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Văn L về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khai nhận:

Bị cáo Trần Văn N khai nhận: Bị cáo có nhận xẻ gỗ cho Võ Công L1; sau đó bị cáo rủ Nguyễn Văn L cùng tham gia khai thác gỗ. Ngày 26/2/2019, bị cáo và L mang theo 01 cưa máy, 01 cái rựa và xăng, nhót đến khu vực Km 32 xã Phước Xuân và ở lại tại trại ông Nguyễn Thành B, đến sáng ngày 27/2/2019, bị cáo và L vào rừng tìm cây gỗ, đã cưa hạ 01 cây gỗ Chò; bị cáo là người trực tiếp cưa hạ cây gỗ Chò, khi cây ngã xong thì bị lực lượng chức năng phát hiện. Trước khi thực hiện hành vi cưa hạ cây gỗ các bị cáo không có bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể; cưa máy là của anh L, còn rựa, xăng, nhót do bị cáo mua và sau khi trừ chi phí thì chia đều số tiền. Anh L1 có chỉ cho bị cáo đoạn gốc cây Chua đã bị cưa hạ trước đó nhưng không xẻ được; sau đó bị cáo và L đi tìm cây gỗ Chò, anh L1 không trực tiếp tham gia cưa hạ cây gỗ, không chỉ vị trí, địa điểm cây gỗ, không cho ứng tiền; việc thỏa thuận xẻ gỗ chỉ có bị cáo và L1, không có ai chứng kiến. Việc tìm cây gỗ và quyết định cưa hạ cây gỗ Chò là do các bị cáo tự quyết định; mục đích cưa hạ cây gỗ để bán kiếm tiền. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không bị đánh đập, không bị ép cung; hành vi của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật; hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ, hộ nghèo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận: Lời khai của Trần Văn N là đúng, N là người rủ bị cáo cùng đi khai thác gỗ. Ngày 26/2/2019, bị cáo và N đến trại ông Nguyễn Thành B thì ở lại; sáng ngày 27/2/2019, N dẫn bị cáo vào rừng và thấy 01 cây gỗ Chò thì cưa hạ cây gỗ này; N là người trực tiếp cưa hạ cây gỗ, khi cây gỗ ngã thì bị lực lượng chức năng phát hiện. Trước khi khai thác gỗ các bị cáo không có bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể; mục đích khai thác gỗ bán kiếm tiền; cưa máy là của bị cáo, còn rựa, xăng, nhót do N mua; sau khi trừ chi phí số tiền còn lại chia đều. Còn giữa N và L1 có thỏa thuận cưa xẻ gỗ, loại gỗ gì thì bị cáo không biết, không chứng kiến, bị cáo chỉ nghe N nói lại là xẻ gỗ cho L1; L1 không biết vị trí, địa điểm cây gỗ, không tham gia cưa hạ, không cho ứng tiền, không chỉ địa điểm cây gỗ. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không bị đánh đập, không bị ép cung, hành vi của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật; hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, con còn nhỏ mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Công L1 khai nhận: Tôi có thỏa thuận với N bằng miệng là xẻ một đoạn gốc cây Chua đã bị cưa hạ trước đó; tôi đi chỉ vị trí đoạn gốc cây Chua này cho N, đến nay tôi chưa nhận được gỗ và cũng chưa đưa tiền. Tôi với N chỉ thỏa thuận là N xẻ cho tôi đoạn gốc cây Chua mà tôi đã chỉ, ngoài ra không có thỏa thuận cưa xẻ cây gỗ khác; còn N cưa hạ cây gỗ Chò tôi hoàn toàn không biết, tôi không tham gia.

Đại diện của nguyên đơn dân sự ông Vũ Đình H khai: Ngày 27/2/2019, tổ công tác phát hiện Trần Văn N và Nguyễn Văn L dùng cưa máy cưa hạ 01 cây gỗ Chò, tổ công tác bắt giữ người và tang vật. Cây gỗ Chò mà N và L đã cưa hạ tại khoảnh 3 tiểu khu 627 được quy hoạch là rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân xã Phước Xuân quản lý, bảo vệ, tổng khối lượng thiệt hại 8,234m³ gỗ tròn. Yêu cầu các bị cáo N và L phải bồi thường thiệt hại 28.819.000 đồng theo định giá.

Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Văn L tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa. Xét thấy các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Văn L đã cưa hạ trái phép 01 cây gỗ Chò nẫu nhóm VI tại khoảnh 3 tiểu khu 627 thuộc rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân xã Phước Xuân quản lý, bảo vệ với tổng khối lượng 8,234m³ gỗ tròn, có giá trị 28.819.000 đồng. Hành vi khai thác gỗ Chò trái phép của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trước khi thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép giữa các bị cáo không có bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể nên phạm tội không có tổ chức mà là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này bị cáo Trần Văn N là người rủ bị cáo Nguyễn Văn L cùng đi khai thác gỗ trái phép nên phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn bị cáo Nguyễn Văn L.

Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: Đối với bị cáo Trần Văn N chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải; hộ nghèo; các bị cáo đã cùng nhau nộp bồi thường xong thiệt hại về lâm sản nên được xem là các tình tiết giảm nhẹ; không có tình tiết tăng nặng.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn L chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn; gia đình có công với cách mạng; các bị cáo đã cùng nhau bồi thường xong thiệt hại về lâm sản nên được xem là các tình tiết giảm nhẹ; không có tình tiết tăng nặng.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo

Trần Văn N từ: **12-15** tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 232; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ: **9-12** tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Văn L không có việc làm và thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình đều khó khăn nên không phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Trước khi xét xử vụ án các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Văn L đã nộp bồi thường xong thiệt hại về lâm sản (gỗ) với số tiền 28.819.000 đồng nên không đề cập đến.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 4,261m³ gỗ xẻ Chò nâu nhóm VI tịch thu được và 01 máy cưa lốc; tịch thu tiêu hủy 01 cái rựa, 01 bình nước suối loại 5 lít bên trong có chứa xăng và 01 canh 5 lít màu vàng bên trong có chứa nhót thải.

Tuyên giao số tiền 28.819.000 đồng cho Ủy ban nhân dân xã Phước Xuân, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam là số tiền do các bị cáo bồi thường thiệt hại về lâm sản.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn N là hộ nghèo, có đơn xin miễn nộp đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được miễn nộp; đối với bị cáo Nguyễn Văn L không thuộc trường hợp được miễn.

Đối với Võ Công L1 thừa nhận có thỏa thuận miệng với bị cáo Trần Văn N cưa xẻ một đoạn gốc cây gỗ Chua đã bị cưa hạ trước đó, bị cáo N chưa cưa xẻ đoạn gốc cây Chua này, anh L1 chưa nhận gỗ và cũng chưa đưa tiền cho bị cáo N. Võ Công L1 không thừa nhận có thỏa thuận với bị cáo N cưa xẻ cây gỗ Chò; không tham gia tìm cây, không tham gia cưa hạ cây, không chi cây gỗ Chò; việc tìm cây và cưa hạ cây gỗ Chò do các bị cáo N và L tự tìm và quyết định cưa hạ. Tại Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Võ Công L1 và bị cáo Trần Văn N và cũng như tại phiên tòa nhưng không làm rõ được. Vì vậy, không đủ cơ sở chứng minh Võ Công L1 có liên quan đến việc các bị cáo khai thác trái phép cây gỗ Chò nên không đề cập đến việc xử lý hình sự.

Các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Văn L không tranh luận gì, các bị cáo đều nhận tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Công L1 không tranh luận gì.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự không tranh luận gì; không yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Phước Sơn, của điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, của kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Văn L không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Nên các hành vi và quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Văn L đều nhận thức và biết rõ hành vi khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật thế nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi khai thác trái phép 01 cây gỗ Chò nâu nhóm VI tại khoảnh 3 tiểu khu 627 được quy hoạch là rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân xã Phước Xuân, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam quản lý, bảo vệ.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định loại gỗ, khối lượng gỗ, xác định loại rừng, kết luận định giá tài sản, luận tội của Kiểm sát viên, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với tài liệu, chứng cứ được chứng minh có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ kết luận: Hành vi khai thác trái phép 01 cây gỗ Chò nâu nhóm VI với tổng khối lượng thiệt hại 8,234m³ gỗ tròn có giá trị 28.819.000 đồng của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam đã truy tố các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Văn L theo điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi khai thác trái phép cây gỗ Chò của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng. Mục đích, động cơ khai thác trái phép gỗ của các bị cáo là nhằm bán kiếm tiền bất hợp pháp. Trước khi thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép các bị cáo không có bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể nên phạm tội không có tổ chức mà là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này bị cáo Trần Văn N là người rủ bị cáo Nguyễn Văn L cùng đi khai thác gỗ trái phép nên phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn bị cáo Nguyễn Văn L.

Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: Bị cáo Trần Văn N chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn, hộ nghèo; bị cáo cùng với bị cáo Nguyễn Văn L đã nộp bồi thường xong thiệt hại về lâm sản; đại diện của nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt nên được xem là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo Nguyễn Văn L chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn; gia đình có công với cách mạng, bị cáo cùng với bị cáo Trần Văn N đã nộp bồi thường xong thiệt hại về lâm sản; đại diện nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được xem là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); không có tình tiết tăng nặng.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương nhằm thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với ông Võ Công L1 thừa nhận có thỏa thuận miệng với bị cáo Trần Văn N cưa xẻ đoạn gốc cây Chua đã bị cưa hạ trước đó nhưng bị cáo N không cưa xẻ đoạn gốc cây Chua này, ông L1 chưa nhận gỗ và chưa đưa tiền cho bị cáo N. Ông L1 không thừa nhận có thỏa thuận với bị cáo N cưa xẻ cây gỗ Chò; không tham gia cưa hạ cây gỗ Chò, không chỉ vị trí cây gỗ, không cho ứng tiền. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa ông Võ Công L1 với bị cáo Trần Văn N và cũng như tại phiên tòa vẫn không làm rõ được nên không có cơ sở chứng minh ông Võ Công L1 có liên quan đến việc khai thác gỗ trái phép của các bị cáo nên không đề cập đến việc xử lý hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Văn L không có việc làm và thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình đều khó khăn nên không phạt bổ sung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trước khi xét xử vụ án các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Văn L đã bồi thường xong thiệt hại về lâm sản (gỗ) với số tiền 28.819.000 đồng nên không đề cập.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 4,261m³ gỗ xẻ Chò nâu nhóm VI tặn

thu được và 01 máy cưa lóc nhãn hiệu STHIL MS381, kèm theo 01 sợi dây xích cưa và 01 lam cưa dài 80cm; tịch thu tiêu hủy 01 cái rựa dài 34cm; 01 bình nước suối loại 5 lít bên trong có chứa xăng và 01 canh 5 lít màu vàng bên trong có chứa nhót thải.

Tuyên giao cho Ủy ban nhân dân xã Phước Xuân, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam với số tiền 28.819.000 đồng là số tiền do các bị cáo nộp bồi thường thiệt hại về lâm sản (gỗ).

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Trần Văn N thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn nộp. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo Trần Văn N được miễn nộp.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn L không thuộc diện được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Văn L phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 232; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo:

TRẦN VĂN N: 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **24** (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/9/2019).

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 232; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo:

NGUYỄN VĂN L (Lóc): 9 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **18** (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/9/2019).

Tuyên giao các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Văn L cho Ủy ban nhân dân thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Nếu trường hợp các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Văn L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 4,261m³ gỗ xẻ Chò nâu nhóm VI (Hiện đang tạm giữ tại Hạt kiểm lâm Phước Sơn-Hiệp Đức, Quảng Nam theo biên bản lập ngày 19/8/2019) và 01 (một) máy cưa lóc nhãn hiệu STHIL MS381, vỏ máy bằng nhựa màu cam trắng (đã cũ, không rõ chất lượng) kèm theo 01 (một) sợi dây xích cưa và 01 (một) lam cưa dài 80cm (Hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/7/2019).

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cái rựa dài 34cm, có cán bằng gỗ (lưỡi rựa dài 27cm, mặt trái lưỡi rựa có khắc chữ: Minh), 01 (một) bình nước suối loại 5 lít bên trong có chứa xăng và 01 (một) canh 5 lít màu vàng bên trong có chứa nhớt thải (Hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/7/2019).

Tuyên giao cho Ủy ban nhân dân xã Phước Xuân, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam với số tiền 28.819.000 đồng (*Hai mươi tám triệu, tám trăm mười chín ngàn đồng*) là số tiền do các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Văn L đã nộp bồi thường thiệt hại về lâm sản (gỗ), đã nộp tại các biên lai thu tiền số 002279, 002278 lập ngày 15/8/2019; biên lai thu tiền số 002282 lập ngày 5/9/2019 và biên lai thu tiền số 002283 lập ngày 6/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các bị cáo; nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm.

Nơi nhận

- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Tòa án tỉnh Q.Nam
- VKS tỉnh Q.Nam
- Sở Tư pháp tỉnh Q.Nam
- Những người tham gia tố tụng
- UBND thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Phơ Loong Đếch

